

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2017.

V/v tranh chấp ly hôn, con chung, cấp
dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Tâm.

2. Ông Lăng Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan tham gia phiên tòa: Ông Vi Doanh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp: Xin ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Trường Mầm non xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bị đơn: Anh Bế Văn V, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2017, cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và Anh Bế Văn V được hai bên gia đình tổ chức cưới ngày 05/02/2003 âm lịch, theo phong tục tập quán, không có đăng ký kết hôn. Việc cưới xin do hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Sau cưới tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, có H phúc. Đến đầu năm 2014 mâu thuẫn giữa hai vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do anh V thường xuyên có tình cảm với một người đàn bà cùng thôn, Chị H đã khuyên anh V nhiều lần nhưng đến cuối năm 2015 anh V lại

tiếp tục tái phạm, như vậy anh đã không tôn trọng chị và anh V đã làm tổn thương tinh thần của chị trong suốt thời gian dài từ năm 2014 cho đến nay, giữa chị và anh V tuy không xảy ra việc đánh nhau, nhưng cũng đã có cãi vã lẫn nhau rất nhiều lần. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không còn tình cảm với anh V. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn Anh Bé Văn V.

Con chung: Có 02 người con chung, con thứ nhất là Bé Thị Mỹ H, sinh ngày 02 tháng 05 năm 2004 và con thứ hai là Nguyễn Hà Anh T, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hà Anh T, còn cháu Bé Thị Mỹ H tùy theo nguyện vọng của cháu muốn ở với bố hay mẹ do cháu quyết định.

- Tài sản chung: Năm 2008 mua 01 xe máy, trị giá 9.200.000đ, năm 2015 mua 01 mảnh đất trị giá 30.000.000đ, trong đó tiền Chị H bỏ ra mua đất là 20.000.000đ, anh V bỏ ra 10.000.000đ, hai bên tự thỏa thuận không có tranh chấp nên Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vay nợ, cho vay chung: Không có.

Trong bản tự khai ngày 19/5/2017 bị đơn Anh Bé Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với Chị H được hai bên gia đình tổ chức cưới tháng 02 năm 2003, anh chị được viết tờ khai làm thủ tục đăng ký kết hôn, nhưng chưa được nhận giấy đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng bình thường và H phúc, không có mâu thuẫn xảy ra, hai vợ chồng vẫn sống chung và cùng nhau nuôi dạy con cái, anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nay Chị H xin ly hôn anh V không nhất trí, anh mong Chị H về đoàn tụ cùng gia đình.

- Con chung: Có 02 người con chung, con thứ nhất là Bé Thị Mỹ H, sinh ngày 02 tháng 05 năm 2004 và con thứ hai là Nguyễn Hà Anh T, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2017. Nếu trong trường hợp phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Bé Thị Mỹ H. Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: có 01 xe máy và 01 mảnh đất, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vay nợ, cho vay chung: Không có.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Những vấn đề đã thống nhất được như sau:

+ Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2017 và bản tự khai ngày 09/5/2017 Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung nhưng tại phiên hòa giải ngày 08/6/2017 chị H và anh V đã thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà Anh T sinh ngày 22/01/2017, Anh Bé Văn V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bé Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/5/2004, hiện nay cháu H1 đang sống ổn định cùng anh V. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền đi lại thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết hai bên

đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và Anh Bé Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vay nợ chung, cho vay chung: Không có.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ, đã tổng đạt đầy đủ các quyết định, văn bản tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật, đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa các thành phần tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Bé Văn V, do anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự thỏa thuận của Chị H và anh V về con chung: Chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà Anh T sinh ngày 22/01/2017, anh V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bé Thị Mỹ H sinh ngày 02/5/2004. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung, cho vay chung: không yêu cầu giải quyết.

Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về khắc phục vi phạm tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Các yêu cầu, thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[1] Về hôn nhân: Do Chị Nguyễn Thị H và Anh Bé Văn V đã tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện của cả hai người và được hai bên gia đình công nhận, sau khi cưới hai người đã chung sống với nhau, anh chị đã làm tờ khai đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2004 do xác nhận, tờ khai này có giá trị trong thời hạn 30 ngày, do anh chị không đến UBND xã làm thủ tục về đăng ký kết hôn, nên anh chị không có giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 29/5/2017 Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã có công văn số: 323/CV-TA gửi đến UBND xã T đề nghị tra cứu về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và được UBND xã T trả lời bằng công văn số: 38/CV-UBND ngày 06/6/2017 về việc trả lời lưu giữ thông tin đăng ký kết hôn giữa Chị H và anh V, sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay không có thông tin hay giấy tờ gì liên quan việc đăng ký kết hôn của chị H và anh V. Quá trình sống chung giữa hai người, chị H thì cho rằng có mâu thuẫn do anh V ngoại tình nhưng chị không chứng minh được, còn anh V cho rằng không có mâu thuẫn, nhưng có sự bất đồng, cãi vã nhiều lần. Hai người không

tôn trọng lẫn nhau dẫn đến tình cảm bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H không còn tình cảm với anh V nên chị H xin ly hôn với anh V là có căn cứ, nhưng sau khi cưới anh chị không đăng ký kết hôn mà sống chung như vợ chồng là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

[2] Như vậy việc chị Nguyễn Thị H và anh Bé Văn V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay không đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục là không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Bé Văn V là vợ chồng.

Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn:

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Bé Văn V, có 02 con chung chưa đến tuổi trưởng thành là cháu Bé Thị Mỹ H sinh ngày 02/5/2004 và cháu Nguyễn Hà Anh T sinh ngày 22/01/2017. Căn cứ Điều 15, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh V, theo thỏa thuận, chị H được trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà Anh T, anh V được trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bé Thị Mỹ H (thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 tại biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 14/6/2017), hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Hai bên có quyền đi lại thăm con, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Bé Văn V không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét. Về vay nợ, cho vay chung: Không có.

[6] Án phí: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4 Điều

147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bé Văn V.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Bé Văn V, Chị H được trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà Anh T, anh V được trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bé Thị Mỹ H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền đi lại thăm con, không ai được ngăn cản. Chị Nguyễn Thị H và anh Bé Văn V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/00295, ngày 09/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Anh Bé Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Văn Quan;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thế Khuynh

